

Số: 84/2024/QĐST- DS

Ph, ngày 30 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Lê

2. Bà Huỳnh Thị Minh Hải

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 272/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Ngô Minh T, là Luật sư- Văn phòng Luật sư số ; Địa chỉ: 265 Nguyễn H, phường , thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Phương N, sinh năm 1969; Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Hiện cư trú: 204/4A, Quốc lộ , Phường , Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Đức H, sinh năm 1949; Trú tại: 138 T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trọng D và bà Trần Thị Phương N thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Trọng D được quyền sở hữu ngôi nhà hai tầng và các vật kiến trúc khác gắn liền với quyền sử dụng đất 98,7m², tại thửa đất số 1593, tờ bản đồ số 13, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 807510 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 14/5/2019, số vào sổ cấp GCN CS 000136 đứng tên ông Nguyễn Trọng D và bà Trần Thị Phương N; tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (Theo biên bản

định giá tài sản ngày 19/3/2024; Biên bản định giá thị trường ngày 12/8/2024 của Hội đồng định giá huyện P) (Trong đó giá trị nhà là 489.433.397đ, giá trị đất là 687.664.120đ, tổng cộng 1.177.097.517đ).

- Ông Nguyễn Trọng D có nghĩa vụ trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất nêu trên cho bà Trần Thị Phương N với số tiền 588.548.758đ (*Năm trăm tám mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng*).

Ông Nguyễn Trọng D có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên khi có yêu cầu.

- Bà Trần Thị Phương N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Trọng D số tiền 252.599.315đ (*Hai trăm năm mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng*) (Trong tổng số nợ chung ông Nguyễn Trọng D đã thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện P là 555.198.630đ).

Sau khi khấu trừ nghĩa vụ trả tiền nêu trên của ông Nguyễn Trọng D và bà Trần Thị Phương N thì ông Nguyễn Trọng D còn phải trả lại cho bà Trần Thị Phương N số tiền 335.949.443đ (*Ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng*).

- Ông Nguyễn Trọng D có nghĩa vụ phải trả cho ông Võ Đức H số tiền 100.670.000đ (*Một trăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*). Bà Trần Thị Phương N có nghĩa vụ phải trả cho ông Võ Đức H số tiền 75.670.000đ (*Bảy mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) về khoản tiền nợ mua bán tài sản.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

Ông Nguyễn Trọng D phải chịu 32.574.000đ (*Ba mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010277 ngày 20/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Do đó, ông Nguyễn Trọng D còn phải nộp số tiền 18.574.000đ (*Mười tám triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

Bà Trần Thị Phương N phải chịu 43.954.000đ (*Bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

- **Về chi phí thẩm định và định giá tài sản:** Ông Nguyễn Trọng D và bà Trần Thị Phương N mỗi người phải chịu 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Ông Nguyễn Trọng D đã nộp tạm ứng 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) nên bà Trần Thị Phương N phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng D 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện KSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Sơn